

Bản án số: 18/2020/HSST  
Ngày 29/4/2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯƠNG SƠN, TỈNH HÀ TĨNH  
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Mạnh Cường  
*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Khắc Hải và ông Đặng Xuân Đán  
*Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Ông Trần Đức Nam, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh.

*Đại diện VKSND huyện Hương Sơn tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Tiến Phong, kiểm sát viên.

Vào hồi 07 giờ 30 phút, ngày 29 tháng 4 năm 2020, tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 10/2020/TLST- HS, ngày 06/3/2020 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2020/QĐXXST-HS, ngày 09 tháng 4 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn T**; sinh ngày: 12/12/1976; tại huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú: Thôn K, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn T1 và bà Trần Thị C; Vợ: Trần Thị Hương T2, con 02 đứa (lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2014); anh chị em ruột có 07 người, bị cáo là con thứ 6; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

*\* Người bị hại:*

1. Ông Đỗ Xuân T3; sinh năm: 1965.

Địa chỉ: Thôn K, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt.

2. Chị Trần Thị N; sinh năm: 1974.

Địa chỉ: Thôn K, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt.

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Nguyễn Thị L; sinh năm: 1987.

Địa chỉ: Thôn K, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt.

2. Chị Vy Thị T4; sinh năm: 1987.

Địa chỉ: Thôn K, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt.

3. Bà Nguyễn Thị H; sinh năm: 1958.

Địa chỉ: Thôn K, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt.

4. Bà Nguyễn Thị C1; sinh năm: 1957.

Địa chỉ: Thôn K, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt.

5. Anh Nguyễn Văn V; sinh năm: 1995.

Địa chỉ: Thôn K, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt.

6. Chị Nguyễn Thị H1; sinh năm: 1985.

Địa chỉ: Thôn K, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt. Người đại diện hợp pháp cho chị Hạnh: Chị Nguyễn Thị L; sinh năm: 1987; Địa chỉ: Thôn K, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo các tài liệu có tại hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2002, vợ chồng ông Đỗ Xuân T3, sinh năm 1965 và bà Trần Thị N, sinh năm 1974 được Ủy ban nhân dân huyện H giao 54.000 m<sup>2</sup> đất rừng, là rừng tự nhiên quy hoạch sản xuất và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V762525, thửa 15, tờ bản đồ số 2, tại khoảnh 2, tiểu khu 55 thuộc địa phận thôn K, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh, mục đích sử dụng là bảo vệ rừng, thời hạn sử dụng 50 năm. Khoảng tháng 10 năm 2018, gia đình ông T3, bà N chuyển đến làm ăn và sinh sống tại tỉnh Hải Dương nên đã giao lại cho Nguyễn Văn T (là em rể của bà N) để quản lý, bảo vệ. Mặc dù biết diện tích rừng mình được giao quản lý, bảo vệ là rừng cấm sẽ phát và khai thác khi chưa được sự cho phép của cơ quan có thẩm quyền. Nhưng sau một thời gian, T thấy diện tích rừng được giao quản lý có giá trị kinh tế thấp, nên đã tự nảy sinh ý định sẽ phát để trồng cây keo. Đến giữa tháng 3 năm 2019, T gọi điện thuê chị Nguyễn Thị L, đồng thời nhờ chị L tìm thêm người để cùng T sẽ phát rừng. Chị L đồng ý và thỏa thuận tiền công mỗi người là 180.000 đồng/ngày. Tiếp đó, chị L gọi cho chị Vy Thị T4, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị C1 và chị Nguyễn Thị H1 để thuê sẽ phát. Chị T4, bà H, bà C1, chị H1 đồng ý và hẹn hai ngày sau tiến hành sẽ phát. Đến hẹn, T, chị L, chị T4, bà H, bà C1 và chị H1 mang theo dao đi bộ đến tại khoảnh 2, tiểu khu 55 thuộc địa phận thôn K4, xã S. Tại đây, T chỉ đạo mọi người phát các cây dây leo, bụi rậm, giang, chuối. Phát xong, T thuê, đồng thời hướng dẫn và hỗ trợ anh Nguyễn Văn V dùng cưa xăng cắt hạ các thân cây gỗ tròn Tấu, Lim, Tường, Dổi, Mít, De Dẻ, Treo với tiền công thỏa thuận 250.000 đồng/ngày. V cắt hạ các loại cây gỗ 1,5 ngày thì xong, thì bị lực lượng chức năng phát hiện.

Ngày 29/3/2019, Hạt kiểm lâm huyện H phối hợp với Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H, tiến hành khám nghiệm hiện trường xác định: Diện tích rừng bị phát sẽ, chặt phá: 8.692m<sup>2</sup> (0,869ha); loại rừng: Rừng gỗ tự nhiên núi đất lá rộng thường xanh phục hồi (không có rừng trồng); Các loài cây thân gỗ: Tổng số gốc chặt 415 gốc, đường kính gốc chặt từ 8cm đến 70cm; đường kính gốc chặt bình quân: 18,463cm; Tổng khối lượng gỗ đo đếm được trên hiện trường bị chặt phá có đường kính từ 8cm trở lên: 31,468m<sup>3</sup>; Tổng số cây bị chặt hạ đo được đường kính tán: 398 cây, tổng diện tích tán đo được: 4.936m<sup>2</sup>/398 cây; Độ tàn che của rừng là 0,56; Vị trí lô rừng bị chặt phá, quy hoạch rừng: Khoảnh 2, tiểu khu 55, thôn K, xã S, huyện H.

Theo Quyết định 607/QĐ- UBND ngày 03/3/2017 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Hà Tĩnh đến

năm 2020, thì rừng thuộc khoảnh 2, tiểu khu 55 thuộc thôn K, xã S, huyện H là rừng tự nhiên quy hoạch sản xuất.

*\* Tại bản kết luận định giá tài sản số 15/HĐĐG ngày 10/7/2019 của Hội đồng định giá thường xuyên trong tổ tụng hình sự UBND huyện H, kết luận:*

- 2,686 m<sup>3</sup> gỗ tròn Táu, Lim (thuộc nhóm 2); 1,057 m<sup>3</sup> gỗ tròn tương, Dổi (thuộc nhóm 3); 0,142 m<sup>3</sup> gỗ tạp tròn Mít rừng, De (thuộc nhóm 5); 27,583 m<sup>3</sup> gỗ tạp tròn Dẻ, Trẹo. Tổng các loại gỗ bị chặt phá là 31,468 m<sup>3</sup>, có giá trị 38.453.900 đồng.

*\* Vật chứng và tài sản thu giữ:*

+ 31,468m<sup>3</sup> gỗ nhiều loại khác nhau, hiện đang ở hiện trường, giao cho bị cáo Nguyễn Văn Thắng đang quản lý, bảo vệ;

+ 01 máy cưa xăng không rõ nhãn hiệu, màu vàng, kèm theo 01 lam cưa (không có xích cưa), đã qua sử dụng (thu của Nguyễn Văn V);

+ 01 con dao phát dài 70,5cm, cán dao bằng gỗ, lưỡi dao bằng kim loại; trên cán dao có khắc chữ “L”, đã qua sử dụng (thu của Nguyễn Thị L);

+ 01 con dao phát dài 70,5cm, cán dao bằng gỗ, lưỡi dao bằng kim loại; trên cán dao có khắc chữ “H”, đã qua sử dụng (thu của Nguyễn Thị H). Các vật chứng trên đã chuyển cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hương Sơn.

*\* Về dân sự:* Ông Đỗ Xuân T3 và chị Trần Thị N không yêu cầu Nguyễn Văn T phải bồi thường dân sự đối với thiệt hại xảy ra.

Tại bản cáo trạng số 10/CT-VKS-HS, ngày 03 tháng 3 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H đã truy tố Nguyễn Văn T về tội “Hủy hoại rừng” theo điểm b khoản 1 Điều 243 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 243, điểm s, t khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T mức án tù 18 đến 24 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36 đến 48 tháng.

*Về trách nhiệm dân sự:* Các bị hại không có yêu cầu gì thêm về mặt dân sự nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn xét.

*Về xử lý vật chứng:* Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự đề:

- Trả lại cho anh Nguyễn Văn V 01 máy cưa xăng không rõ nhãn hiệu, màu vàng, kèm theo 01 lam cưa (không có xích cưa), đã qua sử dụng;

- Trả lại cho chị Nguyễn Thị L 01 con dao phát dài 70,5cm, cán dao bằng gỗ, lưỡi dao bằng kim loại; trên cán dao có khắc chữ “L”, đã qua sử dụng;

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị H 01 con dao phát dài 70,5cm, cán dao bằng gỗ, lưỡi dao bằng kim loại; trên cán dao có khắc chữ “H”, đã qua sử dụng.

- Giao cho chị Trần Thị N, ông Đỗ Xuân T3 tiếp tục quản lý, sử dụng 31,468m<sup>3</sup> gỗ nhiều loại khác nhau, hiện đang ở hiện trường.

- *Về án phí:* Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định

mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Văn T thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố và không có ý kiến tranh luận với Đại diện Viện kiểm sát, bị cáo, các bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về những người tham gia tố tụng: Người bị hại và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa hôm nay và họ đã có đơn xin xử vắng mặt; Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn V vắng mặt không có lý do. Bị cáo và đại diện Viện kiểm sát không yêu cầu Tòa án hoãn phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy sự vắng mặt của các Bị hại và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không ảnh hưởng đến quá trình làm sáng tỏ diễn biến trong vụ án nên quyết định tiếp tục xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện H và Điều tra viên, Hạt kiểm Lâm H, Viện kiểm sát nhân dân huyện H và kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo không có ý kiến gì khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[3] Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Nguyễn Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo có tại hồ sơ vụ án; phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, lời khai của các bị hại, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án; phù hợp với cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát. Vì vậy có đủ cơ sở khẳng định hành vi Nguyễn Văn T thuê người phát sẻ, chặt phá diện tích rừng 8.692m<sup>2</sup> (0,869ha), loại rừng gỗ tự nhiên núi đất lá rộng thường xanh phục hồi, loại cây phát sẻ, chặt phá gồm 2,686m<sup>3</sup> gỗ tròn Táu, Lim, 1,057 m<sup>3</sup> gỗ tròn Tường, 0,142 m<sup>3</sup> gỗ tạp tròn Mít rừng, De, 27,583 m<sup>3</sup> gỗ tạp tròn Dẻ, Treo đã phạm vào tội “Hủy hoại rừng”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 243 Bộ luật hình sự. Việc truy tố và xét xử bị cáo theo tội danh và điều luật nêu trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không có gì oan sai.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về khai thác và bảo vệ rừng mà còn xâm hại đến sự ổn định bền vững của môi trường sinh thái, môi trường sống của con người được pháp luật bảo vệ. Bị cáo biết được và buộc phải biết hành vi thuê người sẻ phát, chặt hạ cây rừng tự nhiên một diện tích lớn khi chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép là hành vi phạm tội, việc bảo vệ rừng luôn luôn nhà nước tuyên

truyền, kêu gọi mọi công dân phải có ý thức chấp hành. Tuy nhiên vì động cơ tư lợi cá nhân bị cáo ngang nhiên thuê người chặt phá rừng, chứng tỏ bị cáo bất chấp và coi thường pháp luật. Vì vậy, cần xét xử bị cáo mức án đủ nghiêm để cải tạo giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] *Tình tiết tăng nặng*: Không.

[6] *Tình tiết giảm nhẹ*: Sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm, cụ thể: Ngày 15/3/2018 và ngày 05/8/2018 bị cáo đã cung cấp thông tin cho Đoàn biên phòng cửa khẩu quốc tế C phát hiện bắt quả tang đối tượng Hoàng Tuấn V có hành vi mua bán trái phép chất ma túy và Mai Đình D có hành vi vận chuyển trái phép chất ma túy, nên căn cứ điểm s, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ cho bị cáo một phần.

[7] Bị cáo nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, có nhân thân tốt, nếu không bắt bị cáo phải chấp hành hình phạt tù thì không gây nguy hại cho xã hội, nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà căn cứ Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo hưởng án treo cũng đảm bảo nghiêm minh.

[8] *Về trách nhiệm dân sự*: Người bị hại chị Trần Thị N và ông Đỗ Xuân T3 không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[9] Đối với chị Nguyễn Thị L, chị Nguyễn Thị H1, chị Vy Thị T4, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị C, anh Nguyễn Văn V đều là những người được Thắng thuê sẻ phát, cưa gỗ để lấy tiền công, tuy nhiên những người này không biết khu vực rừng Thắng thuê sẻ phát là rừng cấm sẻ phát, quá trình điều tra cơ quan chức năng không có căn cứ để xử lý nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[10] Đối với ông Đỗ Xuân T3, chị Trần Thị N, quá trình điều tra xác định T tự ý thuê người sẻ phát rừng trái phép, ông T3, chị N không biết và không liên quan đến việc sẻ phát rừng này nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[11] *Về hình phạt bổ sung*: Bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nên miễn phạt tiền cho bị cáo.

[12] *Về vật chứng vụ án*:

- 01 máy cưa xăng không rõ nhãn hiệu, màu vàng, kèm theo 01 lam cưa (không có xích cưa), đã qua sử dụng của anh Nguyễn Văn V; 01 con dao phát dài 70,5cm, cán dao bằng gỗ, lưỡi dao bằng kim loại, trên cán dao có khắc chữ “L”, đã qua sử dụng của chị Nguyễn Thị L; 01 con dao phát dài 70,5cm, cán dao bằng gỗ, lưỡi dao bằng kim loại, trên cán dao có khắc chữ “H”, đã qua sử dụng của bà Nguyễn Thị H. Đây là tài sản thuộc quyền sở hữu của anh Nguyễn Văn V, chị Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị H sử dụng sinh hoạt hàng ngày, không phải là công cụ phương tiện phạm tội nên cần trả lại cho các chủ sở hữu nói trên là phù hợp.

- 31,468m<sup>3</sup> gỗ nhiều loại khác nhau, hiện đang ở hiện trường và giao cho bị cáo quản lý, bảo vệ. Đây là tài sản thuộc quyền quản lý của chị Trần Thị N, anh Đỗ Xuân T3 nên cần giao cho chị Trần Thị N và ông Đỗ Xuân T quản lý và sử dụng là phù hợp.

- Đối với 03 chiếc dao phát của bà Nguyễn Thị C, chị Vy Thị T4, chị Nguyễn Thị H1 sử dụng vào việc sẻ phát rừng, quá trình điều tra cơ quan chức năng đã thực hiện việc truy tìm nhưng không có kết quả nên Hội đồng xét xử miễn xét.

- Đối với số tiền 2.600.000 đồng bị cáo đã thanh toán cho chị L, chị T4, bà H, bà C1, chị H1 và anh V. Việc những người này sẽ phát rừng là do T thuê từ một hợp đồng lao động bằng miệng và họ không biết việc sẽ phát rừng là vi phạm pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[13] *Về án phí*: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[14] *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo, Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người đại diện hợp pháp của họ được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 243, điểm s, t khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 3 Điều 106, khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

- *Về tội danh*: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Hủy hoại rừng”.

- *Về hình phạt*: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 20 (hai mươi) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 40 (bốn mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Nguyễn Văn T cho UBND xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo Nguyễn Văn T có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Nguyễn Văn T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì thực hiện theo Điều 93 Luật Thi hành án hình sự.

- *Về vật chứng vụ án*:

+ Trả lại cho anh Nguyễn Văn V 01 máy cưa xăng không rõ nhãn hiệu, màu vàng, kèm theo 01 lam cưa (không có xích cưa), đã cũ không kiểm tra chất lượng; Trả lại cho chị Nguyễn Thị L 01 con dao phát dài 70,5cm, cán dao bằng gỗ, lưỡi dao bằng kim loại, trên cán dao có khắc chữ “L”, dao đã cũ; Trả lại cho bà Nguyễn Thị H 01 con dao phát dài 70,5cm, cán dao bằng gỗ, lưỡi dao bằng kim loại, trên cán dao có khắc chữ “H”, dao đã cũ. (Đặc điểm các vật chứng nói trên như biên bản giao nhận vật chứng ngày 25/02/2020).

+ Giao cho chị Trần Thị N và ông Đỗ Xuân T3 tiếp tục quản lý, sử dụng 36,468m<sup>3</sup> gỗ nhiều loại khác nhau, hiện đang ở hiện trường. Đặc điểm vật chứng như biên bản giao trách nhiệm bảo quản tang vật ngày 28/3/2019 giữa Hạt kiểm lâm huyện H và bị cáo Nguyễn Văn T và biên bản làm việc ngày 20/02/2020 giữa cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện H và bị cáo Nguyễn Văn T).

- *Về án phí*: Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo Nguyễn Văn T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người bị hại chị Trần Thị N và ông Đỗ Xuân T3; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, chị Nguyễn Thị L, chị Vy

Thị T4, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị C1, chị Nguyễn Thị H1, anh Nguyễn Văn V và người đại diện hợp pháp cho chị Nguyễn Thị H1: chị Nguyễn Thị L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án chính hoặc kể từ ngày niêm yết bản án chính.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Sở tư pháp tỉnh Hà Tĩnh;
- Công an tỉnh Hà Tĩnh (PV 06);
- VKSND huyện H;
- Công an huyện H;
- Cơ quan THAHS Công an huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- UBND xã S;
- Lưu hồ sơ, VP.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Nguyễn Mạnh Cường**